

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/DS - ST
Ngày: 01/12/2022
V/v: " Tranh chấp di sản thừa kế "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bá Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Lê Cẩm Huỳnh

2/ Bà Thái Ánh Trinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Điều Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày **28 tháng 11** và ngày **01 tháng 12** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2021/TLST - DS, ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc " *Tranh chấp di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 996/2022/QĐST- DS ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà **Trần Thị Ánh N**, sinh năm: 1961 (có mặt)

Địa chỉ: KV Q, phường W, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

2/ Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: KV Q1, phường T, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

3/ Ông **Trần Quốc Z**, sinh năm: 1988

(Ông Z ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Thanh X theo giấy ủy quyền lập ngày 09/3/2021)

4/ Ông **Trần Thanh X**, sinh năm: 1992 (có mặt)

5/ Ông **Trần Thái C**, sinh năm: 1993 (có mặt)

Cùng địa chỉ: KV Q 2, phường T, Q. Thốt Nốt, Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lưu Ngọc E1** – VPLS Lưu P1 E1 thuộc Đoàn luật sư Tp.Cần Thơ (có mặt)

Bị đơn:

- 1/ Bà **Tô Thị Kim D**, sinh năm: 1947
- 2/ Bà **Trần Thị Thu S**, sinh năm: 1971 (Xin vắng mặt)
- 3/ Ông **Trần Thanh E2**, sinh năm: 1974 (có mặt)
- 4/ Bà **Trần Thị Kim N1**, sinh năm: 1978
- 5/ Ông **Trần Thanh M**, sinh năm: 1980 (có mặt)
- 6/ Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1983 (Xin vắng mặt)
- 7/ Bà **Trần Thị J**, sinh năm: 1989 (có mặt)

(Bà D, bà N1 ủy quyền cho bà J tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 10/3/2021)

Cùng địa chỉ: KV Q3, phường Y, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1/ Bà **Trần Thị S1**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh HG

(Bà S1 ủy quyền cho ông Trần Thanh X tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 08/3/2022)

- 2/ Ông **Trần Thanh Y1**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: KV V, phường F1, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ

(Ông Y1 ủy quyền cho ông Trần Thanh X tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/3/2022)

- 3/ Bà **Viên Thị Thúy I**, sinh năm: 1969

- 4/ Bà **Viên Thị Bích G2**, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: KV F2, phường Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, Cần Thơ

(Bà I, bà G2 ủy quyền cho ông Trần Thái C tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N, bà Trần Thị P, ông Trần Quốc Z, bà Trần Thị P, ông Trần Thanh X thống nhất trình bày:

Các nguyên đơn là con, cháu của bà Nguyễn Thị U1 chết ngày 03/10/2000 và ông Trần Thanh F chết ngày 20/08/1990. Khi còn sống bà U1 chỉ có người cI duy nhất là ông F và ông F thì có 02 người vợ là bà Nguyễn Thị U1 và bà Tô Thị Kim D.

Quá trình chung sống bà U1 và ông F có 05 người con chung gồm: Ông Trần Như P1 chết ngày 20/07/2010, bà Trần Thị Ánh N, bà Trần Thị P, ông Trần Sơn Hà chết ngày 21/07/2017 và ông Trần Văn Sơn chết ngày 06/08/1996.

Ông Trần Như P1 có vợ là bà Dương Thị Kim C1 chết ngày 07/04/2000, có 04 người con chung gồm: Ông Trần Quốc Z, bà Trần Thị S1, ông Trần Thanh Y1, ông Trần Thanh X.

Ông Trần Sơn A1 có vợ là bà Viên Thị Thúy I có 02 người con chung gồm: Bà Viên Thị Bích G2, ông Trần Thái C. Riêng ông Trần Văn M1 chết khi chưa có vợ và con.

Quá trình chung sống ông F và bà D có 06 người con chung gồm: Bà Trần Thị Thu S, ông Trần Thanh E1, bà Trần Thị Kim N1, ông Trần Thanh M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị J.

Trong thời gian chung sống bà U1 và ông F có tạo lập tài sản chung là quyền F dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 01, có diện tích 1.416m² gồm: 300m² loại đất ODT + 1.116m² CLN, qua đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt có diện tích 1.322,6m², loại đất: ODT 150m²; CLN 1.172,6m² do bà Nguyễn Thị U1 đứng tên trên sổ mục kê, tọa lạc tại khu vực F2, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ.

Riêng ông F và bà D có tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng một thửa đất khác cùng địa phương có diện tích khoảng 780m² gồm ODT 300m² và CLN 480m²; tờ bản đồ số 01. Ngoài ra, ông F còn sở hữu riêng phần tài sản khác là quyền F dụng 02 thửa đất có diện tích khoảng 2.156m² đất nông nghiệp tọa lạc thuộc khu vực F2, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

Thời điểm ông F chết không có di chúc định đoạt các tài sản này. Sau đó, đến ngày 16/05/1991, bà U1 cùng bà D và các con đã thỏa thuận phân chia di sản của ông F tại Biên bản hòa giải thành do Ban nhân dân ấp Long 2 (Nay là khu vực F2) và được UBND thị trấn Thốt Nốt (Nay là phường Thốt Nốt) xác nhận thống nhất. Theo thỏa thuận này, bà U1 và các con được phân chia và tiếp tục sử dụng thửa đất số 57. Sau lần thỏa thuận này bà U1 đã kê khai và được đứng tên trong sổ bộ địa chính của địa phương đối với thửa đất số 57. Từ đó, phần đất này do bà U1 và các con là người trực tiếp sử dụng liên tục và ổn định thửa đất cho đến nay, nhưng do nhận thức chưa đầy đủ nên chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Sau khi bà U1 chết không di chúc, các đồng thừa kế đã yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt thẩm định thửa đất số 57 và lập Mạnh trích địa chính số 154 ngày 26/07/2020 để làm thủ tục thỏa thuận phân chia thửa đất làm 05 phần. Tuy nhiên, do nguồn gốc thửa đất có liên quan đến ông F nhưng phía các bị đơn lại từ chối làm lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoặc từ chối nhận di sản nên các nguyên đơn không thể làm thủ tục phân chia di sản theo quy định của pháp luật ảnh hưởng quyền lợi của các nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn cụ thể như sau:

1/ Các nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N; bà Trần Thị P; ông Trần Quốc Z; ông Trần Thanh X; ông Trần Thái C yêu cầu tuyên bố đã hết thời hiệu để người thừa kế chia di sản của ông Trần Thanh F theo quy định pháp luật.

2/ Công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 57, qua đo đạc có diện tích 1.300m², loại đất: ODT 150m²; CLN 1.150m²; đất tọa lạc tại khu vực F2, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ là di sản của bà Nguyễn Thị U1.

3/ Các nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N; bà Trần Thị P; ông Trần Quốc Z; ông Trần Thanh X; ông Trần Thái C yêu cầu công nhận là người thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị U1.

4/ Các nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N; bà Trần Thị P; ông Trần Quốc Z; ông Trần Thanh X; ông Trần Thái C yêu cầu được phân chia di sản thừa kế theo kết quả đo đạc thực tế có tổng diện tích 1.300m², thuộc thửa đất số 57 cụ thể như sau:

+ Bà Trần Thị P yêu cầu được chia phần đất có diện tích 261,3m² (ký hiệu A), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 241,3m², hiện phần đất này do bà P đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Thái C yêu cầu được chia phần đất có diện tích 246,7m² (ký hiệu B), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 226,7m², hiện phần đất này do ông C đang quản lý sử dụng.

+ Bà Trần Thị Ánh N yêu cầu được chia phần đất có diện tích 247,8m² (ký hiệu C), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 227,8m², hiện phần đất này do bà N đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Quốc Z yêu cầu được chia phần đất có diện tích 172,2m², (ký hiệu D) loại đất ODT 40m², loại đất CLN 132,2m², hiện phần đất này do ông Z đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Thanh X yêu cầu được chia phần đất có diện tích 372m², (ký hiệu E) loại đất ODT 50m², loại đất CLN 322 m², hiện do ông X đang quản lý sử dụng.

Các bị đơn bà Trần Thị J đồng thời đại diện ủy quyền của bà Tô Thị Kim D, bà Trần Thị Kim N1 và bị đơn ông Trần Thanh E1, Trần Thanh M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Các ông bà thống nhất với các nguyên đơn về mối quan hệ thân thích giữa các bị đơn với nguyên đơn cũng như di sản của ông Trần Thanh F tạo lập với bà Nguyễn Thị U1 chết để lại.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông bà không đồng ý và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản thừa kế của ông F, bà D để lại cho các ông bà theo định pháp luật. Tuy nhiên, các ông bà không có đơn yêu cầu Tòa án phân chia cụ thể mà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Riêng đối với bị đơn bà Tô Thị Kim D thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bà D đồng ý công nhận di sản cho các nguyên đơn được quyền nhận di sản và được quyền F dụng đất theo quy định.

Các bị đơn bà Trần Thị L, bà Trần Thị Thu S quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

Các bà thống nhất với các nguyên đơn về mối quan hệ thân thích giữa các bị đơn với nguyên đơn cũng như di sản của ông Trần Thanh F tạo lập với bà Nguyễn Thị U1, bà Tô Thị Kim D chết để lại. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý công nhận di sản cho các nguyên đơn được quyền nhận di sản và được quyền sử dụng đất theo quy định. Ngoài ra, do bận công việc nên các bà yêu cầu được vắng mặt trong các lần hòa giải, đối chất và xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S1, ông Trần Thanh Y1 ủy quyền cho ông Trần Thanh X và bà Viên Thị Thúy I đồng thời ủy quyền cho bà Viên Thị Bích G2 quá trình giải quyết thống nhất trình bày như sau:

Các ông bà thống nhất với ý kiến các nguyên đơn và đồng ý công nhận di sản cho các nguyên đơn được quyền nhận di sản và được quyền sử dụng đất theo nội dung đã thỏa thuận. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Quá trình thu thập chứng cứ, theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành xem xét đo đạc, thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.301m² thuộc thửa đất số 57, loại đất ODT, CLN thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 81/TTKTTNMT ngày 01/6/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ thực hiện.

Ngày 21/4/2022 các nguyên đơn có đơn yêu cầu chỉnh lý bản trích đo địa chính nêu trên thành 05 phần đất theo hiện trạng do nguyên đơn đang sử dụng thực tế để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án, đến ngày 23/9/2022 thì Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ phát hành Bản trích đo địa chính số 170/TTKTTNMT và các tài sản trên đất tranh chấp sau:

+ 11 ngôi mộ của người thân của các đương sự.

+ Căn nhà chính của ông Trần Thanh X có kết cấu: Khung bê tông cốt thép, vách tường gạch xây, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: 4,6m x 14,2m = 65,32m²; Mái che phía trước có kết cấu: khung sắt tiền chế, mái tole, nền xi măng, diện tích: 8,0m x 3,7m = 29,6m²; Hàng rào phía sau nhà chính của ông X có kết cấu: Tường lửng gạch xây + Lưới B40, trụ đá, diện tích: 33,5m x 2,2m = 73,27m². Các cây trồng trên đất của ông X gồm: 01 cây Cóc thái, 02 cây Nhãn loại B, 01 cây Dừa loại A, 01 cây Dừa loại B, 01 cây Xoài loại B.

+ Căn nhà chính của ông Trần Quốc Z có kết cấu: Khung bê tông cốt thép, vách tường gạch xây, mái tole, không trần, nền đất, diện tích: 3,9m x 5,6m = 21,84m².

+ Căn nhà chính của bà Trần Thị Ánh N có kết cấu: Khung bê tông cốt thép, vách tole, mái tole, không trần, nền gạch men, diện tích: $5,5\text{m} \times 6,0\text{m} = 33\text{m}^2$ và mái che phía trước nhà chính có kết cấu: khung sắt tiền chế, mái tole, nền xi măng, vách lưới B40, diện tích: $3,5\text{m} \times 5,9\text{m} = 20,65\text{m}^2$

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ án nên được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay: Các ông bà thống nhất thỏa thuận phần đất phân chia theo hiện trạng sử dụng thực tế của ông bà đã được thể hiện diện tích tại Bản trích đo địa chính số 170/TTKTTNMT ngày 23/9/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Tp. Cần Thơ. Phần đất tranh chấp từ trước năm 1990 đều do bà U1 và các con cháu quản lý sử dụng cho đến nay, phía gia đình bị đơn không quản lý phần đất này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Lưu Ngọc E1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các căn cứ sau: Phần di sản đã được các bên phân chia thể hiện tại Biên bản hòa giải thành do Ban nhân dân ấp Long 2 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thốt Nốt (cũ) xác nhận thống nhất lập ngày 16/05/1991 và thời hiệu để các người thừa kế yêu cầu phân chia di sản của ông sử hết do ông chết cách này hơn 30 năm nên việc các nguyên đơn đang quản lý sử dụng thì được hưởng di sản theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền bà J đồng thời đại diện ủy quyền cho bà N1, bà D và ông Trần Thanh M thống nhất trình bày: Các ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay: Bà không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án phân chia di sản theo quy định pháp luật. Phần đất tranh chấp từ trước năm 1990 đều do bà U1 và các con, cháu quản lý sử dụng cho đến nay, phía gia đình bị đơn không quản lý phần đất này.

Bị đơn ông Trần Thanh E1 trình bày: Ông vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay: Ông không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án phân chia di sản theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S1, ông Trần Thanh Y1 ủy quyền cho ông Trần Thanh X và bà Viên Thị Thúy I bà Viên Thị Bích G2 ủy quyền cho ông Trần Thái C trình bày như sau: Các ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình thu thập chứng cứ, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại

phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1/ Công nhận di sản của bà Nguyễn Thị U1 là quyền F dụng đất qua đo đạc có diện tích 1.300m² thuộc thửa đất số 57, loại đất CLN 1.150m², ODT 150m² do bà Nguyễn Thị U1 đứng tên chủ sử dụng trên Sổ mục kê, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tọa lạc KV F2, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

2/ Di sản của bà Nguyễn Thị U1 được phân chia cho các thừa kế theo pháp luật như sau:

+ Bà Trần Thị P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 261,3m² (ký hiệu A), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 241,3m², hiện phần đất này do bà P đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Thái C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 246,7m² (ký hiệu B), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 226,7m², hiện phần đất này do ông C đang quản lý sử dụng.

+ Bà Trần Thị Ánh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 247,8m² (ký hiệu C), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 227,8m², hiện phần đất này do bà N đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Quốc Z được quyền sử dụng phần đất có diện tích 172,2m² (ký hiệu D) loại đất ODT 40m², loại đất CLN 132,2m², hiện phần đất này do ông Z đang quản lý sử dụng.

+ Ông Trần Thanh X được quyền sử dụng phần đất có diện tích 372m² (ký hiệu E) loại đất ODT 50m², loại đất CLN 322 m², hiện do ông X đang quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị L, bà Trần Thị Thu S vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các bà là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu công nhận di sản là quyền F dụng phần đất có diện tích 1.301m² thuộc thửa đất số 57 do bà Nguyễn Thị U1 để lại chưa được phân chia và yêu cầu được chia di sản cho các nguyên đơn để được quyền sử dụng. Tuy nhiên, trong các bị đơn có bà J, ông E1, ông M, bà N1 không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Xét đây là mối quan hệ pháp luật dân sự “*Tranh chấp di*

sản thừa kế” và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhận thấy các vấn đề như sau:

[2.1] *Về người thừa kế theo pháp luật của ông F và bà U1 gồm*:

Xét thấy quá trình ông F và bà U1 chung sống có 05 người con gồm: 1/ Ông Trần Như P1 chết ngày 20/07/2010 và ông P1 có vợ là bà Dương Thị Kim C1 chết ngày 07/04/2000, có 04 người con chung gồm: Ông Trần Quốc Z, bà Trần Thị S1, ông Trần Thanh Y1, ông Trần Thanh X; 2/ Ông Trần Sơn Hà chết ngày 21/07/2017 và ông Hà có vợ là bà Viên Thị Thúy I có 02 người con chung gồm: Bà Viên Thị Bích G2, ông Trần Thái C; 3/ Ông Trần Văn Sơn chết ngày 06/08/1996, không có vợ, con; 4/ Bà Trần Thị Ánh N; 5/ Bà Trần Thị P.

Sau đó, ông F chung sống với bà D có 06 người con chung gồm: Bà Trần Thị Thu S, ông Trần Thanh E1, bà Trần Thị Kim N1, ông Trần Thanh M, bà Trần Thị L, bà Trần Thị J và quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận cha mẹ của ông F, bà U1 đều chết trước ông bà và không còn người thừa kế nào khác nên căn cứ theo quy định tại các Điều 651, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định các đương sự nêu trên là người thừa kế theo pháp luật của ông F, bà U1 là phù hợp.

[2.2] *Về di sản thừa kế và thời hiệu khởi kiện*:

Xét thấy ông F và bà U1 có tạo lập phần đất qua đo đạc có diện tích 1.300m² thuộc thửa đất số 57 do bà U1 đứng tên chủ sử dụng trên Sổ mục kê, ông bà chết để lại là di sản chưa được phân chia và ông bà cũng không để lại di chúc, lẽ ra phần di sản được chia đều cho người cùng hàng thừa kế.

Tuy nhiên, khi xem xét về thời hiệu của người thừa kế yêu cầu chia di sản thì thấy ông F chết ngày 20/8/1990, bà U1 chết ngày 03/10/2000 thời điểm mở thừa kế kể từ ngày ông bà chết và thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của ông bà để lại khác nhau cụ thể: Ông F chết trước năm 1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 và bà U1 được tính ngày 03/10/2000 đối chiếu với thời gian khi các đương sự phát sinh tranh chấp và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là 31 năm, trong khi thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản nên yêu cầu chia di sản của ông F đã hết thời hiệu khởi kiện, chỉ riêng bà U1 thì còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP, ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời, hướng dẫn cụ thể tại Giải đáp 01/GĐ-TANDTC, ngày 05/01/2018 Tòa án nhân dân tối cao ban hành giải đáp một số vướng mắc về nghiệp vụ.

Vì vậy, trong trường hợp này di sản thừa kế của ông F hết thời hiệu thì sẽ được phân chia theo quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “ *Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó...*” và được hướng dẫn cụ thể tại Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về Hình sự, Tổ tụng hình sự, Dân sự, Tổ tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận phần đất thuộc thửa đất 57 do bà U1 đứng tên chủ sử dụng, từ trước đến nay đều do bà U1 và các nguyên đơn quản lý sử dụng đến khi bà U1 chết vào năm 2000 thì các nguyên đơn tiếp tục quản lý sử dụng hợp pháp, không ai tranh chấp khiếu nại về việc sử dụng đất của các nguyên đơn, đối chiếu với các quy định trên thì các nguyên đơn đủ điều kiện được hưởng phần di sản của ông F và bà U1 để lại là phù hợp nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] *Về thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:* Các nguyên đơn tự nguyện thỏa X phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 57, có diện tích 1.416m² gồm: loại đất ODT 300m² + loại đất 1.116m². Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế thì phần đất chỉ có diện tích 1.300m², loại đất CLN 1.150m², loại ODT 150m² cụ thể như sau:

1/ Bà Trần Thị P yêu cầu được chia phần đất có diện tích 261,3m², loại đất ODT 20m², loại đất CLN 241,3m²; 2/ Ông Trần Thái C yêu cầu được chia phần đất có diện tích 246,7m², loại đất ODT 20m², loại đất CLN 226,7m²; 3/ Bà Trần Thị Ánh N yêu cầu được chia phần đất có diện tích 247,8m², loại đất ODT 20m², loại đất CLN 227,8m²; 4/ Ông Trần Quốc Z yêu cầu được chia phần đất có diện tích 172,2m², loại đất ODT 40m², loại đất CLN 132,2m²; 5/ Ông Trần Thanh X yêu cầu được chia phần đất có diện tích 372m², loại đất ODT 50m², loại đất CLN 322m².

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phân chia di sản thừa kế theo hiện trạng sử dụng thực tế mà các nguyên đơn đang sử dụng đối với phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích chênh lệch khác nhau là tự nguyện và qua đối chiếu với quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 18/2014/QĐ – UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ thì sự thỏa thuận này là phù hợp và phần đất đủ điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Đối với ý kiến của bị đơn bà J đồng thời đại diện ủy quyền cho bà N1, bà D và ông Trần Thanh M, ông Trần Thanh E1 đều không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án phân chia di sản theo quy định pháp luật.

Xét thấy các ông bà là con ruột của ông F và bà D. Ông bà thuộc hàng thừa kế của ông F và có quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông F trong khối di sản chung với bà D. Tuy nhiên, do ông F chết năm 1990 nhưng ông bà không khởi kiện tranh chấp và tính đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông F như phân tích trên nên không có cơ sở chia di sản thừa kế cho các bị đơn là phù hợp.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi của các nguyên đơn khởi kiện. Công nhận di sản của bà U1 để lại và được phân chia theo sự thỏa thuận của các nguyên đơn, riêng phần di sản của ông F trong khối di sản với bà U1 đã hết thời hiệu khởi kiện là phù hợp theo quy định 611, 612, 614, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với chi phí số tiền 9.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 9.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện nộp chi phí này nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là phù hợp theo quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Các nguyên đơn được nhận di sản thừa kế nên phải chịu án phí được tính trên giá trị tài sản được nhận theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và F dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 26, 35, 39, 147, 157, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 611, 612, 614, 623, 649, 651, 660, 676, 688 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 100, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Quyết định số 18/2014/QĐ – UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1/ Công nhận di sản của bà Nguyễn Thị U1 là quyền sử dụng đất qua đo đạc có diện tích 1.300m² thuộc thửa đất số 57, loại đất CLN 1.150m², loại ODT 150m² do bà Nguyễn Thị U1 đứng tên chủ sử dụng trên Sổ mục kê, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tọa lạc khu vực F2, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

2/ Di sản của bà Nguyễn Thị U1 được phân chia cho các thừa kế theo pháp luật như sau:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 261,3m² (ký hiệu A), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 241,3m², hiện phần đất này do bà P đang quản lý sử dụng.

+ Nguyên đơn ông Trần Thái C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 246,7m² (ký hiệu B), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 226,7m², hiện phần đất này do ông C đang quản lý sử dụng.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 247,8m² (ký hiệu C), loại đất ODT 20m², loại đất CLN 227,8m², hiện phần đất này do bà N đang quản lý sử dụng.

+ Nguyên đơn ông Trần Quốc Z yêu cầu được quyền sử dụng phần đất có diện tích 172,2m² (ký hiệu D) loại đất ODT 40m², loại đất CLN 132,2m², hiện phần đất này do ông Z đang quản lý sử dụng.

+ Nguyên đơn ông Trần Thanh X được quyền sử dụng phần đất có diện tích 372m² (ký hiệu E), loại đất ODT 50m², loại đất CLN 322m², hiện do ông X đang quản lý sử dụng.

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất các đương sự được quyền sử dụng (ký hiệu A,B,C,E,D) nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 170/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. Cần Thơ, lập ngày 23/9/2022 (*Đính kèm*).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất các nguyên đơn được quyền sử dụng theo quy định pháp luật.

Các nguyên đơn có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất nêu trên theo quy định.

3/*Về chi phí tố tụng*: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 9.000.000đồng. Các nguyên đơn phải có trách nhiệm nộp số tiền 9.000.000đồng chi phí nhưng khấu trừ số tiền mà các nguyên đơn đã nộp tạm ứng đã nộp tại Tòa án, công nhận các nguyên đơn đã xong.

4/*Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Nguyên đơn bà Trần Thị P phải nộp số tiền 2.606.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.298.000 đồng mà bà nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002536, ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà P còn phải nộp thêm số tiền 1.308.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trần Thái C phải nộp số tiền 2.490.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.266.000 đồng mà ông nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002538, ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông C còn phải nộp thêm số tiền 1.224.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N phải nộp số tiền 2.499.600đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.258.500 đồng mà bà nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002537, ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà N còn phải nộp thêm số tiền 1.241.100đồng.

Nguyên đơn ông Trần Quốc Z phải nộp số tiền 2.444.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.241.000 đồng mà ông nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002535, ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông Z còn phải nộp thêm số tiền 1.203.000đồng.

Nguyên đơn ông Trần Thanh X phải nộp số tiền 4.293.800đồng nhưng được khấu trừ số tiền 2.178.500 đồng mà ông nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 002534, ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông X còn phải nộp thêm số tiền 2.115.300 đồng.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quậnThốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Bá Lộc